ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 845/QĐ-UBND	*Quảng Nam, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự Cơ sở chăn nuôi heo gia công tập trung tại xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở chăn nuôi heo gia công tập trung tại xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 27/CV-Cty ngày 24/02/2021 của Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ vận tải và Thương mại Chiến Khánh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 194/TTr-STNMT ngày 25 tháng 3 năm 2021 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Cơ sở chăn nuôi heo gia công tập trung với diện tích 21.764m^2 tại xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là dự án) do Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ vận tải và Thương mại Chiến Khánh làm Chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (nếu có) của Dự án.

4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Đông Giang; Chủ tịch UBND xã Ba, Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ vận tải và Thương mại Chiến Khánh; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT huyện Đông Giang;
- Lưu: VT, KTN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2021

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN CƠ SỞ CHĂN NUÔI HEO GIA CÔNG TẬP TRUNG TẠI XÃ BA, HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Các thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Cơ sở chăn nuôi heo gia công tập trung tại xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ vận tải và Thương mại Chiến Khánh.

- Địa chỉ liên hệ: Thôn Ban Mai 1, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

1.2. Phạm vi Dự án:

Dự án được đầu tư xây dựng tại xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam với tổng diện tích thực hiện 21.764m^2, Dự án có giới hạn như sau:

- Phía Bắc, Nam, Đông: Giáp đất trồng cây của người dân.

- Phía Tây: Giáp đường bê tông vào thủy điện An Điềm 2.

1.3. Quy mô của Dự án:

- Diện tích dự án: 21.764m^2.

- Công suất thiết kế: 7.200 con heo/năm.

- Sản phẩm của dự án: Heo thịt thương phẩm. Trọng lượng trung bình một con heo khi xuất chuồng là 100kg/1 con.

1.4. Các hạng mục công trình của Dự án:

a) Các hạng mục chính của Dự án:

- Xây dựng hệ thống đường công vụ nội bộ liên hoàn cho toàn bộ khu vực.

- Xây dựng hệ thống công trình chuồng trại, nhà điều hành, khu bảo vệ, trạm điện, trạm xử lý nước thải phục vụ chăn nuôi.

- Trồng cây xanh tạo cảnh quan, tăng hiệu quả kinh tế và đặc biệt là bảo vệ môi trường cho toàn bộ khu vực.

- Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải.

- Xây dựng hệ thống Phòng cháy chữa cháy.

b) Các hạng mục chính của Dự án:

Hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy...

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Đối với môi trường không khí: Bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Đối với môi trường nước: Nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.

- Đối với chất thải: Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với môi trường không khí: Bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Đối với môi trường nước: Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn.

- Đối với chất thải: Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi thải: Bụi đất từ hoạt động giao thông.

- Khí thải: Khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông chủ yếu là CO, NO_2, SO_2.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công: 0,45 m^3/ngày. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD5, TSS, Nito, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động: 1,2 m^3/ngày.đêm.

- Nước thải sản xuất: 78,72 m^3/ngày.đêm. Tính chất nước thải bao gồm các thông có nồng độ ô nhiễm cao: COD, BOD, Nitơ, Photpho và đặc biệt là các vi sinh vật gây bệnh.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng: bao gồm các chất thải hữu cơ (thức ăn, rau quả thừa,…), các chất thải vô cơ (giấy vụn, carton, vỏ đồ hộp, bao bì, chai lọ,...) khoảng 9 kg/ngày.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình hoạt động: bao gồm giấy vụn, bao bì, thùng carton, các vật dụng bằng nhựa, thủy tinh hỏng, chai lọ, vỏ đồ hộp, thực phẩm thừa.. khoảng 10,8 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm phân heo khoảng 10,28 m^3/ngày, thức ăn thừa, bao bì khoảng 25 kg/ngày, ngoài ra còn có heo chết trong quá trình chăn nuôi khoảng 3% ~ 216 con/toàn cơ sở/2 lứa.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải. Khối lượng CTNH khoảng 10 kg/tháng, dầu mỡ thải khoảng 20 lít trong toàn bộ quá trình xây dựng.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, bao bì, lọ đựng thuốc thú y, sát trùng với khối lượng 45 kg/năm.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

3.1.1. Đối với nước thải sinh hoạt:

- Sử dụng nhà vệ sinh hiện có tại trang trại cho công nhân xây dựng, đồng thời yêu cầu các nhà thầu nhắc nhở công nhân đi vệ sinh đúng nơi quy định.

- Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương có điều kiện tự túc ăn ở đến làm việc.

3.1.2. Đối với bụi và khí thải:

- Xây dựng kế hoạch vận chuyển hợp lý, loại phương tiện chuyên chở thích hợp. Điều tiết lượng xe vận chuyển hợp lý.

- Rửa bánh xe khi ra vào dự án, lượng nước rửa xe được thu gom lắng tại hố rửa xe và thoát ra môi trường, hằng tuần sẽ thực hiện nạo vét phần đất cát lắng dưới và bổ sung nước khi hao hụt.

- Tưới nước đường trước cổng ra vào dự án vào những ngày nắng nóng với tuần suất 3 lần/ngày (sáng, trưa, chiều), bố trí công nhân quét dọn thường xuyên cổng ra vào dự án, đặt bảng quy định tốc độ của lái xe khi ra vào để đảm bảo an toàn giao thông.

- Che chắn thùng xe cẩn thận bằng bạt trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng (nhất là các vật liệu rời như đất, cát, sỏi, sạn) để hạn chế rơi vãi. Không chở quá tải trọng cho phép và chất vật tư cao quá thùng xe.

- Sử dụng máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu về môi trường, sử dụng nhiên liệu đảm bảo chất lượng cho phép để vận hành máy móc. Vận hành máy móc đúng quy trình kỹ thuật và đúng công suất.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị thi công và các phương tiện vận chuyển, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trước khi đưa vào vận hành.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn xây dựng: Thu gom phân loại chất thải rắn xây dựng phát sinh tại khu vực dự án:

+ Đối với các loại gỗ, sắt, thép… phát sinh trong và sau quá trình xây dựng còn có giá trị sử dụng được thu gom để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cá nhân hay đơn vị có nhu cầu hoặc bán phế liệu.

+ Những chất thải còn lại không tận dụng được tập trung tại kho chứa chất thải và hợp đồng với đơn vị chức năng đi xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

-Bố trí các thùng rác tại công trường để công nhân bỏ rác và bố trí công nhân thường xuyên quét dọn thu gom hằng ngày. Lượng rác thải sinh hoạt được tập kết về xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt của dự án hiện tại. Kho chứa chất chứa CTR có diện tích 10m^2 bố trí tại phía Tây Nam gần khu vực trang trại chăn nuôi, kho có tường bao quanh, có mái che, bên trong bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn đúng quy định.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- CTNH được thu gom và tập kết tại khu vực riêng biệt so với CTR thông thường.

- Chủ dự án đã xây dựng 01 kho CTNH có diện tích khoảng 8 m^2 để tập kết CTNH, chờ đến khi đủ số lượng sẽ hợp đồng với đơn vị vận chuyển có chức năng đưa đi xử lý theo quy định. Kho lưu giữ CTNH được đặt bên cạnh kho CTR thông thường.

- Kho lưu giữ CTNH được xây kín bằng tường gạch, có mái che, nền tráng bằng xi măng chống thấm, có biển báo, xung quanh có rãnh thu nước chảy tràn để phòng sự cố rò rỉ dầu mỡ.

3 .2. Trong giai đoạn hoạt động:

3.2.1. Về xử lý bụi, khí thải:

- Biện pháp giảm thiểu bụi trong quá trình vận chuyển

+ Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động như khẩu trang, găng tay cho công nhân bốc dỡ hàng hóa.

+ Phun nước sân bãi, đường nội bộ trong những ngày nắng nóng, gió nhiều để giảm thiểu hơi nóng và lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển gây ra.

+ Điều phối xe hợp lý để tránh tình trạng tập trung quá nhiều các phương tiện vận chuyển trong phạm vi khu vực trang trại tại cùng một thời điểm.

+ Các phương tiện vận chuyển khi ra vào nhà máy phải chạy chậm với tốc độ cho phép 5km/h. Trong thời gian bốc dỡ thức ăn, lợn thịt xuất bán phải tắt máy xe.

+ Trong quá trình vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ: thùng xe phải được che kín, phủ bạt; thùng xe được xịt rửa và phun chế phẩm khử trùng sau mỗi lần vận chuyển.

+ Đối với các phương tiện vận chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty sẽ tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng tải trọng cho phép của nhà sản xuất.

- Giảm thiểu mùi hôi và khí sinh học phát sinh.

+ Hàng tuần tiến hành phun các chế phẩm sinh học EM ở khu vực chuồng trại, đường mương dẫn nước thải, hầm Biogas để khử mùi. Định kỳ 02 lần/tuần tiến hành phun thuốc khử trùng cho chuồng trại, cắt cỏ sạch sẽ tiêu diệt nơi sản sinh ra ruồi, muỗi.

+ Lắp đặt hệ thống thông gió trao đổi nhiệt bằng nước, sử dụng màng lọc khí Cooling Pad và quạt hút, nhằm tạo môi trường thông thoáng.

+ Khí biogas sinh ra từ hầm được tận dụng để làm nhiên liệu phục vụ cho hoạt động của trang trại như: nấu ăn, thắp sáng, chạy máy phát điện.

3.2.2. Về xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải trang trại xây dựng độc lập với hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.

- Nước thải tại từng khu vực được xử lý sơ bộ tại nguồn trước khi xả vào đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó đưa về hầm biogas và đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trang trại xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

+ Nước thải từ tắm rửa: được tách rác trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trang trại.

+ Nước thải sản xuất bao gồm nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại, tắm rửa cho heo, nước tiểu cùng với phân heo rơi vãi trên chuồng được hòa lẫn đổ vào hầm chứa với thể tích 40m^3 được hút qua máy ép phân, lượng nước qua máy ép phân đưa vào hầm biogas sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trang trại.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi được dẫn về hồ chứa nước sau xử lý và thoát ra sông Vàng.

* Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải:

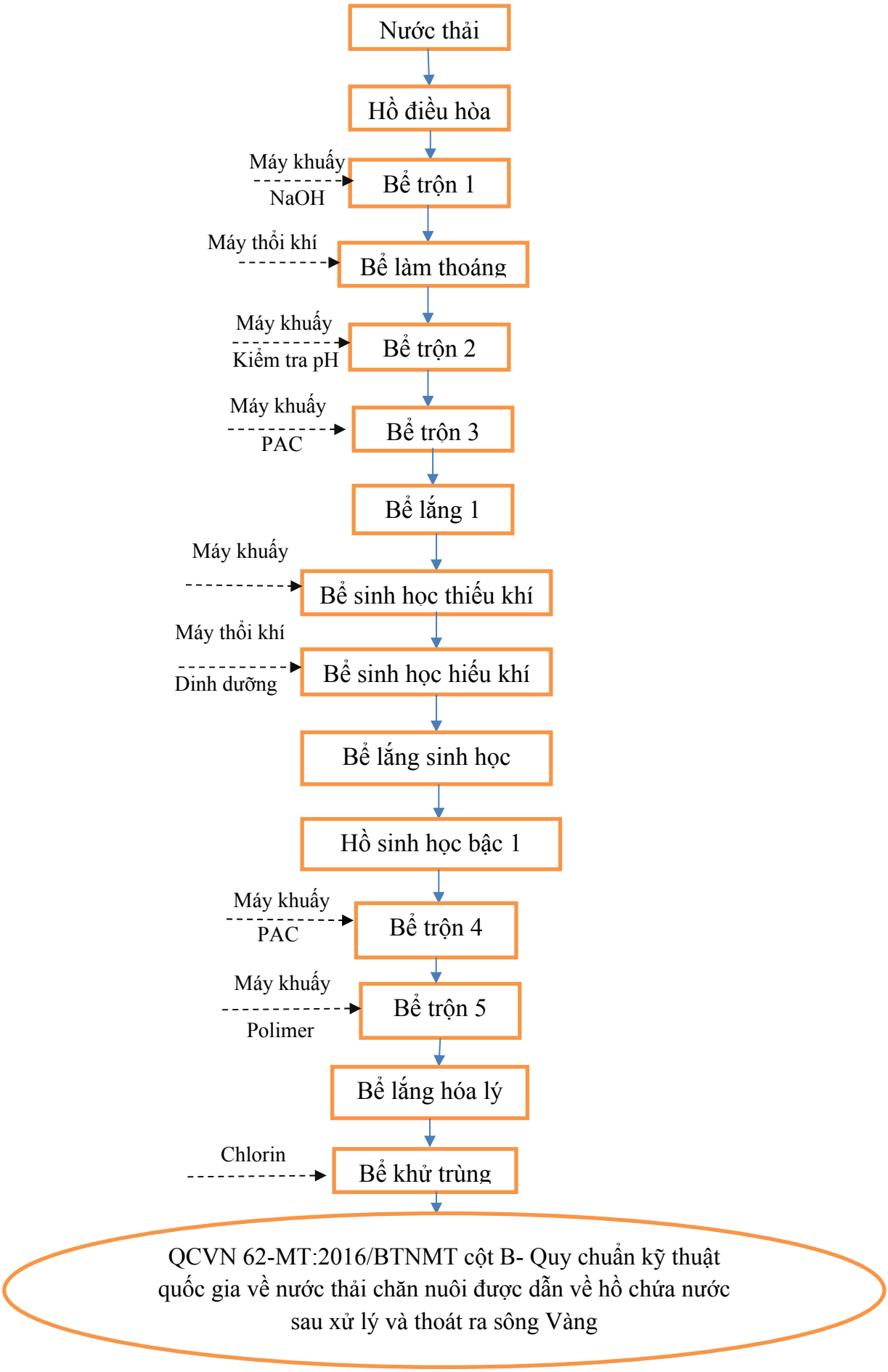
Nước thải
Hồ điều hòa
Máy khuấy
NaOH
Bể trộn 1
Máy thổi khí
Bể làm thoáng
Máy khuấy
Kiểm tra pH
Bể trộn 2
Máy khuấy
PAC
Bể trộn 3
Bể lắng 1
Máy khuấy
Bể sinh học thiếu khí
Máy thổi khí
Dinh dưỡng
Bể sinh học hiếu khí
Bể lắng sinh học
Hồ sinh học bậc 1
Máy khuấy
PAC
Bể trộn 4
Máy khuấy
Polimer
Bể trộn 5
Bể lắng hóa lý
Chlorin
Bể khử trùng
QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi được dẫn về hồ chứa nước sau xử lý và thoát ra sông Vàng

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR):

a) Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom CTR vào các thùng chứa có nắp đậy, tập trung về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt với diện tích khoảng 10 m^2 và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

b) Chất thải rắn sản xuất:

- Phân heo cùng nước tiểu sẽ thu gom về hầm chứa với thể tích 40 m^3, sau đó được hút và đưa qua máy ép phân. Lượng nước sau khi qua máy ép phân đưa về hệ thống thu gom dẫn về hồ Biogas để xử lý.

- Bùn từ hầm biogas: Được nạo vét, bơm hút định kỳ. Lượng bùn từ hầm biogas chiếm 3% so với tổng phân heo. Lượng bùn này sẽ được đưa qua bể hút bùn và đưa về nhà chứa phân xử lý.

- Lượng phân khô sau khi qua máy ép phân 80% được xuất bán cho các đơn vị thu mua để sản xuất phân bón phục vụ cho trồng trọt trên địa bàn huyện, 20% bổ sung vào hầm biogas. Trước khi xuất bán phân heo được đưa đến nhà chứa phân để lưu trữ tránh trời mưa gây ô nhiễm môi trường

- Bao bì đựng thức ăn, chai lọ (không chứa các chất thuộc danh mục chất thải nguy hại),… được thu gom hằng ngày và tập trung tại nhà kho, sau đó một phần có thể tận dụng để tái sử dụng hoặc đem bán cho các cơ sở, cá nhân có nhu cầu, phần còn lại đem xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

- Đối với lợn chết:

+ Trường hợp, heo mắc phải không thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, cơ sở chăn nuôi sẽ làm thức ăn cho cá, hoặc đem đi chôn lấp.

+ Trường hợp heo bị chết do dịch bệnh, chủ cơ sở sẽ tiến hành tiêu hủy trong khu vực trang trại theo đúng quy trình an toàn. Hố hủy heo được bố trí tại khu đất trống bên cạnh dự án (thuộc sở hữu của chủ dự án), xây dựng sâu khoảng 3m, diện tích 20m^2, thành xây gạch, ở đáy được lót vật liệu chống thấm, tránh ảnh hưởng đến mạch nước ngầm. Quy trình tiêu hủy lợn chết được thực hiện theo Hướng dẫn số 561/TY-KH do Cục thú y ban hành ngày 16/4/2008 về phương pháp tiêu độc, khử trùng, tiêu hủy xác lợn và xử lý sự cố hố chôn trong vùng có dịch.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- CTNH được thu gom và tập kết tại khu vực riêng biệt so với CTR thông thường. Phương thức thu gom cụ thể như sau:

+ Đối với chất thải lỏng nguy hại như dầu mỡ thải: thu gom và chứa trong các can chứa dầu, có nắp đậy kín để tránh chảy tràn.

+ Đối với các chất thải rắn nguy hại (như bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in, bơm tiêm, chai lọ thuốc khử trùng, thuốc thú y..) Sau khi thu gom cho vào các túi nilon buộc kín miệng và lưu giữ tạm thời tại kho chứa CTNH hiện tại 8m^2 trước khi đơn vị thu gom đến vận chuyển đi xử lý.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Đối với phương tiện vận chuyển:

+ Đối với các xe chuyên dụng cần giảm tốc độ khi đi vào bên trong nhà máy.

+ Khi dừng xe phải tắt máy.

+ Hạn chế vận chuyển thức ăn, xuất heo vào các giờ cao điểm.

+ Đối với tiếng ồn do máy phát điện thì cần phải lắp đặt máy phát điện đúng cách và cố định máy để giảm tiếng ồn, chống rung; định kỳ phải vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị.

- Đối với tiếng ồn do heo kêu

+ Yêu cầu các nhân viên phải cho heo ăn theo đúng khẩu phần, giờ giấc không để heo quá đói sẽ gây ồn đồng thời phải tập cho heo các thói quen trong ăn uống.

+ Chủ dự án đã trồng cây xanh trong khu vực dự án, dọc quanh hàng rào của khu vực dự án nhằm tạo cảnh quan, cải thiện môi trường không khí xung quanh và cách ly với khu vực lân cận. Để tăng hiệu quả xử lý giảm thiểu tác động của mùi hôi, tạo môi trường trong lành trong khu vực dự án, chủ đầu tư sẽ tiến hành trồng thêm cây keo tại khu đất trống bên cạnh khu đất dự án (khu đất này thuộc quyền sở hữu của chủ dự án).

3.2.6. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường:

- Xây dựng hệ thống PCCC theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng hệ thống cấp nước đúng tiêu chuẩn phục vụ cho chữa cháy và bố trí ở vị trí quan trọng, thuận tiện để sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Tuân thủ đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trong quá trình vận hành có lập nhật ký theo dõi.

+ Bố trí nhân viên chịu trách nhiệm theo dõi công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Lắp đặt các thiết bị dự phòng để phòng ngừa trường hợp máy móc bị hư hỏng.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

STT	Tên công trình	Số lượng	Đơn vị
1	Hệ thống thoát nước mưa	01	Hệ thống
2	Hệ thống thoát nước thải	01	Hệ thống
3	Hệ thống xử lý bụi khí thải	01	Hệ thống
4	Kho lưu trữ CTR	10	m^2
5	Kho lưu trữ CTNH	8	m^2

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu giám sát	Khối lượng giám sát	Tần suất giám sát	Cơ sở so sánh, đánh giá
A	**Giai đoạn thi công**				
1	Giám sát CTR thông thường	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý CTR thông thường.	Toàn công trường, thông qua sổ sách theo dõi.	Thường xuyên	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP
2	Giám sát CTNH	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết CTNH.	Toàn công trường, thông qua sổ sách theo dõi.	Thường xuyên	Thông tư số 36/2015/BTNMT
B	**Giai đoạn vận hành**				
1	Giám sát CTR thông thường	Việc thu gom, xử lý chất thải rắn tại nhà máy	Toàn nhà máy thông qua sổ theo dõi.	Thường xuyên	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP
2	Giám sát CTNH	Việc lưu trữ tại nhà máy	Toàn nhà máy thông qua sổ theo dõi.	Thường xuyên	Thông tư 36/2015/BTNMT
3	Giám sát nước thải	Lưu lượng, pH, COD, BOD_5, TSS, Tổng Nito, Coliform.	Tại đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý nước thải	03 tháng/lần	QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B)
4	Giám sát nước mặt	pH, DO, TSS, COD, BOD5, NH4+, NO3-, NO_2^- PO_4^{3-} , Clorua, Fe, Zn. tổng dầu mỡ, coliforms.	1 điểm trên con suối thoát ra sông Vàng (cách điểm thoát nước của dự án khoảng 20m).	06 tháng/lần	QCVN 08-MT:2015/BTNMT

6. Trách nhiệm của Chủ dự án:

6.1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

6.2. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình

thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đông Giang để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.5. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

6.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đông Giang trước khi bắt đầu tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Sau khi kết thúc thời gian vận hành thử nghiệm phải thông báo kết quả hoàn thành về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Đông Giang để được theo dõi, giám sát.

6.7. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Đông Giang để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vận hành chính thức.

6.8. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

7. Các điều kiện liên quan kèm theo:

7.1. Dự án chỉ được triển khai xây dựng khi cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất và thực hiện các các quy định khác theo pháp luật hiện hành.

7.2. Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở

của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7.3. Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

7.4. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.5. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

7.6. Thu gom, xử lý các loại khí thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm đạt các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành trước khi thoát ra môi trường.

7.7. Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

7.8. Có các biện pháp kỹ thuật an toàn và môi trường phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của Dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ; có các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án; thực hiện nghiêm túc chiều cao xây dựng, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; không làm ảnh hưởng đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tới các di tích văn hóa, các hoạt động du lịch trong khu vực.

7.9. Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án song song với quá trình thi công xây dựng; đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

7.10. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng cấp nước sinh hoạt, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án.

7.11. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án lập văn bản báo cáo và chỉ thực hiện những thay đổi khi có văn bản chấp thuận Ủy ban nhân dân tỉnh.

7.12. Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.13. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.